TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GÒ DẦU** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số:06/2024/DS-ST
Ngày: 26-01-2024
V/v: *"Tranh chấp hợp đồng góp hụi và vay tài sản"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ DẦU, TỈNH TÂY NINH.

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Trang.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Huỳnh Thị Phương Loan;

2. Bà Phan Thị Kiên.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Xuân Son Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Đan Thanh, Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 427/2023/TLST-DS ngày 15 tháng 11 năm 2023 về việc: *"Tranh chấp hợp đồng góp hụi và vay tài sản"* Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2024/QĐXX-ST ngày 03 tháng 01 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Huỳnh Ngọc R, sinh 1957; Địa chỉ: Tổ 6, ấp B, xã Đ, huyện G, tỉnh T. Có mặt;

Người đại diện hợp pháp của bà R: Anh Trần Quốc T, sinh năm 1982; Địa chỉ: Ấp A, xã P, huyện G, tỉnh T (theo văn bản ủy quyền ngày 11-7-2023).

Bị đơn: Bà Ngô Thị Q, (tên gọi khác H) sinh năm 1960;

Ông Phạm Văn B, sinh năm 1962; Có đơn yêu cầu vắng mặt;

Địa chỉ: số 46 tổ 19 ấp M, xã Đ, huyện G, tỉnh T; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện ngày 11 tháng 7 năm 2023, lời tự khai trong quá trình giải quyết vụ án của nguyên đơn* bà *Huỳnh Ngọc R và người đại diện hợp pháp của bà R anh Trần Quốc T trình bày*:**

Do là cùng xóm với nhau, và gia đình ông B, bà Q tham gia chơi hụi do bà làm chủ hụi nhiều năm, đã hốt hụi của bà nên còn nợ. Ngày 10/02/2023, bà cùng với vợ chồng ông B, bà Q cùng ký kết thỏa thuận và chốt nợ còn lại là 125.500.000 đồng tiền hụi chết chưa thanh toán. Thỏa thuận trả mỗi tháng 6.000.000 đồng, mười ngày trả tiền một lần. (Giấy thỏa thuận có ông B va bà Q (H) cùng ký tên. Sau khi ký giấy nhận nợ hụi, ông Q, bà B thực hiện trả tiền không đúng, trả được 7.900.000 đồng (cụ thể tháng 03/2023 trả 2.900.000 đồng; Tháng 4/2023 trả 5.900.000 đồng) thì ngưng cho đến nay. Nên còn nợ lại tiền hụi là 117.600.000 đồng.

Ngoài khoản tiền nợ hụi, bà Q ông B có vay của bà R 12.000.000 đồng (mười hai triệu đồng), cụ thể ngày 10/6/2022 cho vay 10.000.000 đồng; ngày 12/6/2022 cho vay 2.000.000 đồng, thỏa thuận miệng tiền lãi 300.000 đồng/ tháng. Thời hạn vay 04 tháng. Khi cho vay tiền không có làm giấy nhận nợ. Bị đơn đã trả được 03 tháng tiền lãi thì ngưng không thanh toán nợ gốc và lãi.

Do bà Q, ông B vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên bà R khởi kiện yêu cầu bà Q, ông B phải trả cho bà số tiền vay 12.000.000 đồng (Mười hai triệu đồng), tiền nợ hụi 117.600.000 đồng (Một trăm mười bảy triệu đồng), không yêu cầu tính lãi suất.

Tại phiên tòa: bà Huỳnh Ngọc R trình bày: Không đồng ý cho bà Q, ông B trả dần mỗi tháng, yêu cầu trả 01 lần.

**** Theo Biên bản lấy lời khai ngày 18-12-2023 và lời khai tại phiên tòa của bị đơn*** Bà Ngô Thị Q, (tên gọi khác H): Thừa nhận có vay tiền và còn nợ bà R tiền vay là 12.000.000 đồng gốc và tiền nợ hụi 117.600.000 đồng. Tổng cộng 129.600.000 đồng (Một trăm hai mươi chín triệu sáu trăm ngàn đồng), nhưng do hoàn cảnh kinh tế gia đình khó khăn, vợ chồng bà Q xin trả dần mỗi tháng 1.000.000 đồng (một triệu đồng) kể từ tháng 02/2024 AL. Mục đích bà Q hốt hụi và vay tiền để mua xe cho con đi làm và sửa nhà.

**** Theo bản tự khai của bị đơn ông Phạm Văn B:*** Thừa nhận còn nợ bà R, xin vắng mặt và xin miễn án phí.

**** Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm về vụ án:***

Về tố tụng: Việc Tòa án thụ lý giải quyết là đúng quy định; xác định đúng tư cách tố tụng; đảm bảo thời hạn xét xử; Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định; đảm bảo nguyên tắc xét xử độc lập, công khai và bình đẳng. Các đương sự thực hiện đúng quy định pháp luật, chấp hành nội quy phiên tòa, tôn trọng Hội đồng xét xử.

Về nội dung: Căn cứ Điều 463, 466, 469 của Bộ Luật Dân sự 2015; Điều 27, 37 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị Định 19/2019/NĐ-CP và Nghị quyết 326 của UBNTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí:

Đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Ngọc R. Buộc ông Phạm Văn B và bà Ngô Thị Q (tên gọi khác H) có nghĩa vụ trả cho bà Huỳnh Ngọc R số tiền vay gốc còn nợ số tiền vay vốn còn nợ là 12.000.000 đồng, tiền nợ hụi 117.600.000 đồng. Tổng cộng 129.600.000 đồng (Một trăm hai mươi chín triệu sáu trăm ngàn đồng).

Ghi nhận bà R không không yêu cầu tính lãi suất;

Án phí: ông Phạm Văn B và bà Ngô Thị Q (tên gọi khác H) thuộc trường hợp miễn án phí, nên không phải chịu án phí.

Bà Huỳnh Ngọc R thuộc trường hợp miễn nộp tạm ứng án phí và án phí khi khởi kiện, nên không phải chịu án phí và không được hoàn trả tạm ứng án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: người đại diện hợp pháp của bà R anh Trần Quốc T có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, bị đơn ông Phạm Văn B có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, đã được Tòa án tống đạt hợp lệ, đầy đủ thủ tục để bảo đảm cho việc xét xử vắng mặt theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Căn cứ Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng Dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự trong vụ án.

[2] Về nội dung:

[2.1] Bà Q, ông B thống nhất và thừa nhận có vay tiền và còn nợ bà R tiền vay là 12.000.000 đồng gốc và tiền nợ hụi 117.600.000 đồng. Tổng cộng 129.600.000 đồng (Một trăm hai mươi chín triệu sáu trăm ngàn đồng) đây là chứng cứ có thật, không cần phải chứng minh. Quá trình thực hiện hợp đồng vay và góp hụi, Bà Q thừa nhận nhưng do hoàn cảnh kinh tế gia đình khó khăn, chưa thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của mình nên bà R khởi kiện yêu cầu ông B, bà Q phải trả lại số tiền tiền vay vốn còn nợ là 12.000.000 đồng, tiền nợ hụi 117.600.000 đồng. Tổng cộng 129.600.000 đồng (Một trăm hai mươi chín triệu sáu trăm ngàn đồng) là có căn cứ.

[2.2] Đối với ông B là đồng đơn trong vụ án, quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng ông B không đến Tòa, có ghi bản tự khai thừa nhận còn nợ, nhưng không rõ số tiền bao nhiêu, nghĩa vụ thanh toán nợ cho bà R. Tuy nhiên, chứng cứ là "giấy thỏa thuận ghi ngày 10/02/2023" đối với số tiền nợ hụi bà Q thừa nhận do ông B viết, cả hai cùng ký tên, số tiền nợ vay tuy không có giấy nhận nợ nhưng bà Q thừa nhận và có thanh toán nợ lãi, mục đích vay tiền để sửa nhà và mua xe cho con đi làm là nhu cầu chi phí chính đáng trong chi tiêu sinh hoạt gia đình, là nợ chung của cả hai vợ chồng, hiện nay ông bà vẫn còn quyền và nghĩa vụ vợ chồng, nên bà R khởi kiện cả hai cùng có trách nhiệm trả nợ là phù hợp với quy định tại Điều 27 và nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch vợ chồng cùng thỏa thuận xác lập theo quy định Điều 37 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014. Do đó, bà Q và ông B cùng có nghĩa vụ trả tổng số tiền nợ 129.600.000 đồng cho bà R là có cơ sở.

[3] Xét về yêu cầu tính lãi: Bà R không yêu cầu trả lãi suất nên Hội đồng xét xử không xem xét và ghi nhận.

[4] Xét Lời khai bị đơn xin trả dần, nguyên đơn không đồng ý. Theo quy định thì nghĩa vụ thi hành Bản án của người phải thi hành án được thực hiện tại cơ

quan thi hành án, Tòa án không được quyền buộc nguyên đơn phải chấp nhận cho bị đơn trả dần khi nguyên đơn không đồng ý. Do đó, ý kiến của bị đơn không được chấp nhận và cần buộc bà Q, ông B phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà R số tiền vay vốn còn nợ là 12.000.000 đồng, tiền nợ hụi 117.600.000 đồng. Tổng cộng 129.600.000 đồng (Một trăm hai mươi chín triệu sáu trăm ngàn đồng). Không phải trả lãi suất

[5] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Ngọc R. Buộc ông Phạm Văn B và bà Ngô Thị Q (tên gọi khác H) có nghĩa vụ trả cho bà Huỳnh Ngọc R số tiền vay gốc còn nợ số tiền vay vốn còn nợ là 12.000.000 đồng, tiền nợ hụi 117.600.000 đồng. Tổng cộng 129.600.000 đồng (Một trăm hai mươi chín triệu sáu trăm ngàn đồng).

Ghi nhận bà R không không yêu cầu tính lãi suất;

[6] Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Dầu đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị này phù hợp nên chấp nhận.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Án phí: ông Phạm Văn B và bà Ngô Thị Q (tên gọi khác H) thuộc trường hợp miễn án phí, nên không phải chịu án phí.

Bà Huỳnh Ngọc R thuộc trường hợp miễn nộp tạm ứng án phí và án phí khi khởi kiện, nên không phải chịu án phí và không được hoàn trả tạm ứng án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 463, 466, 469 của Bộ Luật Dân sự 2015; Điều 27, 37 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị Định 19/2019/NĐ-CP và Nghị quyết 326 của UBNTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và góp hụi" của bà Huỳnh Ngọc R đối với bà Ngô Thị Q và ông Phạm Văn B.

Buộc ông Phạm Văn B và bà Ngô Thị Q (tên gọi khác H) có nghĩa vụ trả cho bà Huỳnh Ngọc R số tiền vay gốc còn nợ số tiền vay vốn còn nợ là 12.000.000 đồng, tiền nợ hụi 117.600.000 đồng. Tổng cộng 129.600.000 đồng (Một trăm hai mươi chín triệu sáu trăm ngàn đồng).

Ghi nhận bà R không không yêu cầu tính lãi suất;

Kể từ ngày Bà Huỳnh Ngọc R có đơn yêu cầu thi hành án, cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng ông Phạm Văn B và bà Ngô Thị Q (tên gọi khác H) còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất theo quy định tại Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Án phí: ông Phạm Văn B và bà Ngô Thị Q (tên gọi khác H) thuộc trường hợp miễn án phí, nên không phải chịu án phí.

Bà Huỳnh Ngọc R thuộc trường hợp miễn nộp tạm ứng án phí và án phí khi khởi kiện, nên không phải chịu án phí và không được hoàn trả tạm ứng án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

4. Trường hợp, bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
-Phòng KTNV TAND tỉnh Tây Ninh
-VKSND huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh;
-CCTHADS huyện Gò Dầu;
-Các đương sự;
-Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thùy Trang